

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2145/KDTM-ST

Ngày: 15 - 6 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Ông Phạm Văn Phước.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 98/2020/TLST- KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2520/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3312/2022/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Công ty A.

Địa chỉ: Phòng số C Tầng D, Chung cư E, Số F đường G, phường H, thành phố K, Thành phố L.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước Nhật Q, sinh năm: 1997, địa chỉ: Phòng C, Lầu D, số E đường F, Phường G, Quận H, Thành phố K (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2020), có đơn xin vắng mặt.

***2. Bị đơn:*** Công ty B.

Trụ sở: A đường B, Khu phố C, phường D, Quận E, Thành phố F.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Han Jong K, Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số A đường B (nay là Đường B'), khu C, khu đô thị D, phường E, thành phố F, Thành phố G, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty A có ông Nguyễn Phước Nhật Q là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 21/4/2017, Công ty A và Công ty B ký Hợp đồng công tác thi công điện số 17-11-HD-0008 (gọi tắt là Hợp đồng) mục đích thực hiện hoàn tất phần việc công tác thi công điện cho công trình Paka Tho Dyeing Factory.

Theo đó thời hạn hợp đồng là từ ngày hợp đồng có hiệu lực ngày 21/4/2017 đến ngày hoàn tất là ngày 30/10/2017. Tổng giá trị hợp đồng là 30.200.000.000 (Ba mươi tỷ hai trăm triệu) đồng.

Theo hợp đồng ký kết, Công ty A sẽ phải chi khoản tạm ứng cho Công ty B, giá trị khoản tạm ứng là 10% tổng giá trị hợp đồng tương đương số tiền là: 3.020.000.000 đồng. Công ty A đã thực hiện nghĩa vụ tạm ứng theo hợp đồng đã ký kết ngày 04/5/2017. Tổng cộng đã thanh toán 3.020.000.000 đồng.

Ngày 19/10/2017, căn cứ vào thực tế thực hiện hợp đồng Công ty A và phía công ty B đã thỏa thuận và đồng ý điều chỉnh giá trị hợp đồng và thời hạn tiến độ hợp đồng cụ thể tại Bảng tu chỉnh hợp đồng về công tác thi công điện cho dự án Paka Phu Thọ Dyeing Factory số: 17-11-HD-0008-01.

Ngày 19/6/2018, Công ty A gửi thông báo quyết toán giữa chừng cho dự án Paka Phu Thọ Dyeing Factory tới phía B đề nghị quyết toán giữa chừng theo tiêu chuẩn vật tư mà Công ty A và phía Công ty B đã khảo sát cùng nhau tại công trường từ 09/05/2018 đến 12/05/2018.

Ngày 28/7/2020, sau rất nhiều lần gửi thông báo yêu cầu quyết toán tới phía Công ty B tuy nhiên phía công ty B không thiện chí hợp tác, liên tục đề nghị gia hạn, nhưng không thực hiện lời cam kết thực hiện. Công ty A đã gửi văn bản Thông báo cuối cùng về thỏa thuận thực hiện quyết toán cho dự án Paka Phu Thọ Dyeing Factory Pjt với yêu cầu đề nghị Công ty B gửi gấp cho Công ty A những chứng từ, tài liệu liên quan đến việc quyết toán, đồng thời yêu cầu phía B hoàn trả số tiền mà Công ty A đã ứng trước là 1.832.351.556 hạn cuối là 31/07/2020.

Ngày 27/10/2020, phía đại diện của Công ty A tiếp tục gửi thư đề nghị có cuộc gặp gỡ xử lý vụ việc.

Ngày 29/10/2020, phía B phản hồi qua email đính kèm văn bản xác nhận đồng ý về việc quyết toán, xin lỗi về sự chậm trễ và sẽ trả lại trước số tiền 1.832.351.556 đồng vào ngày 13/11/2020.

Ngày 13/11/2020, Công ty B tiếp tục trễ hẹn và gửi một thông báo xin lỗi vì sự chậm trễ việc quyết toán, và tiếp tục đòi thời hạn trả trước số tiền 1.832.351.556 đồng vào thời hạn ngày 26/11/2020.

Như vậy, căn cứ Hợp đồng đã ký kết, căn cứ vào sự trao đổi qua lại có các văn bản xác nhận và thông báo giữa hai bên, phía Công ty B còn phải thanh toán cho Công ty A số tiền là: 1.832.351.556 đồng. Công ty A đã nỗ lực liên hệ yêu cầu Công ty B hoàn trả số tiền nêu trên với tinh thần thiện chí, tuy nhiên Công ty B nhiều lần hẹn và vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Công ty A chỉ yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền còn nợ trên mà không yêu cầu bị đơn phải thanh toán thêm bất kỳ khoản lãi suất nào.

*Bị đơn Công ty B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai và không cung cấp tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành và tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cần rút kinh nghiệm trong việc tuân theo pháp luật về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định số tiền hàng còn lại bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 1.832.351.556 đồng. Do đó bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán thêm bất kỳ khoản lãi nào là có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền tạm ứng phải hoàn lại theo hợp đồng thi công nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng thi công” quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty B có trụ sở tại thành phố Thủ

Đức. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2] Về thủ tục tố tụng:*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thông tin đăng ký doanh nghiệp của bị đơn trên Cổng thông tin đăng ký quốc gia về doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 3 ngày 25/6/2018) do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì Bị đơn Công ty B đăng ký trụ sở chính tại: Số 74 đường C2, khu C, khu đô thị An Phú – An Khánh, phường An Phú, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 20/10/2021, theo thông tin phía nguyên đơn cung cấp thì Tòa án đã tiến hành xác minh lại thông tin doanh nghiệp theo yêu cầu của nguyên đơn và nhận được kết quả từ Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư xác nhận (Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 09/6/2021) bị đơn Công ty B đăng ký trụ sở chính tại: 116A đường Hiệp Thành 35, Khu phố 1, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành, Quận 12 có kết quả: Tại địa chỉ 116A đường Hiệp Thành 35, Khu phố 1, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty B có treo bảng hiệu hoạt động và có 01 lao động đang tham gia làm việc tại địa chỉ trên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty B và ông Han Jong K là đại diện theo pháp luật Công ty. Tuy nhiên, bị đơn Công ty B và ông Han Jong K là đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Ngày 21/4/2022, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước Nhật Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét đơn xin vắng mặt của ông Q là đúng theo quy định của pháp luật và việc vắng mặt của ông Q không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Xét thấy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước Nhật Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

*[3] Về nội dung vụ án:*

[3.1] Nguyên đơn Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền tạm ứng còn lại theo hợp đồng là 1.832.351.556 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 21/4/2017, Công ty A và Công ty B ký Hợp đồng công tác thi công điện số 17-11-HD-0008, mục đích thực hiện hoàn tất phần việc công tác thi công điện cho công trình Paka Tho Dyeing Factory.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nguyên đơn, bị đơn thì các bên đều là các tổ chức có đăng ký kinh doanh. Xét Hợp đồng nêu trên giữa các bên là tự nguyện, có nội dung và hình thức đúng với quy định tại Điều 24, Điều 25 Luật Thương mại năm 2005, việc các bên ký kết Hợp đồng là hợp pháp nên có giá trị ràng buộc các bên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Theo hợp đồng ký kết, Công ty A sẽ phải chi khoản tạm ứng cho Công ty B, giá trị khoản tạm ứng là 10% tổng giá trị hợp đồng tương đương số tiền là: 3.020.000.000 đồng. Công ty A đã thực hiện nghĩa vụ tạm ứng theo hợp đồng đã ký kết ngày 04/5/2017, tổng cộng đã thanh toán 3.020.000.000 đồng cho bị đơn.

Ngày 19/10/2017, căn cứ vào thực tế thực hiện hợp đồng Công ty A và phía công ty B đã thỏa thuận và đồng ý điều chỉnh giá trị hợp đồng và thời hạn tiến độ hợp đồng. Ngày 28/7/2020, Công ty A đã gửi văn bản yêu cầu phía B hoàn trả số tiền mà Công ty A đã ứng trước là 1.832.351.556 đồng, hạn cuối thanh toán là ngày 31/7/2020.

Ngày 29/10/2020, phía B phản hồi qua email đính kèm văn bản xác nhận đồng ý về việc quyết toán, xin lỗi về sự chậm trễ và sẽ trả lại trước số tiền 1.832.351.556 đồng cho nguyên đơn vào ngày 13/11/2020.

Căn cứ vào sự trao đổi qua lại có các văn bản xác nhận và thông báo giữa hai bên do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định căn cứ Hợp đồng đã ký kết phía Công ty B phải thanh toán cho Công ty A số tiền là: 1.832.351.556 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.832.351.556 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bị đơn phải trả. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty B phải trả cho Công ty A Việt Nam số

tiền là: 1.832.351.556 đồng ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[4] *Về án phí:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 184; Điều 227, 228; khoản 1 Điều 238; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 24, 25, 50 Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự.

### **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A:

Buộc Công ty B có trách nhiệm thanh toán Công ty A số tiền là: 1.832.351.556 (Một tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, năm trăm năm mươi sáu) đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty A về việc không yêu cầu tính lãi đối với số tiền Công ty B phải trả cho Công ty A.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí:

- Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 66.970.547 đồng (Sáu mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bảy) đồng. Công ty B chưa nộp án phí.

- Công ty A không phải chịu án phí. Hoàn lại cho Công ty A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.485.274 (Ba mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi tư) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0028305 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Phạm Anh Ngọc**